shūo shí huà, rú gǔo wǒ shì nǐ, wǒ jìu qù dà tóng, chūn tiān de shí hòu zài qù lùo yáng.
黄勇:说 实 话, 如 果 我 是 你, 我 就 去 大 同, 春 天 的 时 候 再 去 洛 阳.

nǐ shūo jù tǐ yī diǎn er。
飞龙:你 说 具 体 一 点 儿。

dà tóng de yún gāng shí kū yě fēi cháng yǒu míng, er qiě gēn lùo yáng bǐ, dà tóng lí běi jīng bǐ jiào jìn
黄勇:大 同 的 云 冈 石 窟 也 非 常 有 名, 而 且 跟 洛 阳 比, 大 同 离 北 京 比 较 近.

nǐ shūo de yě dùi. dùi le, nǐ gāng cái shūo chūn tiān qù lùo yáng, wèi shén me
飞龙:你 说 的 也 对. 对 了, 你 刚 才 说 春 天 去 洛 阳, 为 什 么?

děng nǐ qù le, nǐ jìu zhī dào le. kuài qù bào míng ba, chú le nǐ, qí tā rén dōu bào míng le.
黄勇:等 你 去 了, 你 就 知 道 了. 快 去 报 名 吧, 除 了 你, 其 他 人 都 报 名 了. 报名:申し込む

3.

wèi le ràng líu xué shēng de xué xí shēng húo gèng jiā fēng fù dūo cǎi, xué xiào yào zǔ zhī
为了 让 留 学 生 的 学 习 生 活 更 加 丰 富 多 彩, 学 校 要 组 织

dà jiā qù wài dì lǚ yóu, yī gòng yǒu sān gè dì fāng
大 家 去 外 地 旅 游, 一 共 有 三 个 地 方:

nèi méng gǔ cǎo yuán、 dà tóng hé lùo yáng
内 蒙 古 草 原、 大 同 和 洛 阳.

shàng xīng qī bàn gōng shì gěi měi gè tóng xué dōu fā le yī fèn《 lǚ xíng jì huá》
上 星 期 办 公 室 给 每 个 同 学 都 发了 一 份《 旅 行 计 划》,

xiàng dà jiā jiè shào yóu lǎn nèi róng hé shí jiān ān pái
向 大 家 介 绍 游 览 内 容 和 时 间 安 排。

zhè jǐ tiān tóng xué mén dōu zài tǎo lùn qù nǎ er lǚ yóu. xǐ huān zì rán fēng guāng de xiǎng qù cǎo yuán;
这 几 天 同 学 们 都 在 讨 论 去 哪 儿 旅 游. 喜 欢 自 然 风 光 的 想 去 草 原;

xǐ huān gǔ jì de xiǎng qù dà tóng; xǐ huān zhōng gúo wǔ shù de xiǎng qù lùo yáng
喜 欢 古 迹 的 想 去 大 同; 喜 欢 中 国 武 术 的 想 去 洛 阳.

kě shì gēng dūo de rén dùi sān tiáo lù xiàn dōu yǒu xìng qù, bù zhī dào qù nǎ er hǎo.
可 是 更 多 的 人 对 三 条 路 线 都 有 兴 趣, 不 知 道 去 哪 儿 好.